

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 06/2019/HC-GĐT
Ngày 30/5/2019
Về “*Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có 10 thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Văn Bường – Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng làm chủ tọa phiên tòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*” giữa:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1960;

1.2. Bà Trương Thị H, sinh 1963 (chị dâu của ông P);

Cùng địa chỉ: TDP 4, thị trấn E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E1, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ trụ sở: thị trấn E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện E1 là ông YT Êban – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E1, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện:*

Năm 1979, cụ Nguyễn Tấn K {là cha của ông Nguyễn Ngọc L (ông L có vợ là bà Trương Thị H, ông L hiện nay đã chết) và ông Nguyễn Ngọc P} đi kinh tế mới đến huyện TM (nay thuộc địa giới huyện E1). Được sự đồng ý và chỉ dẫn của ông Bùi T (lúc đó là Chủ tịch huyện) đã khai hoang, sử dụng một mảnh đất có chiều dài dọc quốc lộ 14 là 30m; năm 1991, cụ K giao mảnh đất cho hai con trai quản lý, sử dụng. Ngày 19/11/1994, UBND huyện E1 cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số vào sổ cấp GCN: 57592 (bút lục 57,58) đứng tên hộ ông Nguyễn

Ngọc L đối với toàn bộ mảnh đất của cụ K có diện tích 14.090m² (gồm: 910m² đất ở thuộc thửa 115; 11.610m² đất cà phê thuộc thửa 132; 400m² đất ao thuộc thửa 130; 1.170m² đất màu thuộc thửa 1170). Tại mặt sau *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* nêu trên (bl 59,60) thể hiện: Ngày 12/7/2003 Văn phòng đăng ký đất đai huyện E1 chỉnh lý biên động sang tên người nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn N diện tích 250m² đất (gồm 50m² đất ở và 200m² đất vườn cà phê); Ngày 12/7/2006 Văn phòng đăng ký đất đai huyện E1 chỉnh lý biên động sang tên người nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Ngọc P 910m² đất (gồm 50m² đất ở và 860m² đất vườn cà phê); Ngày 07/9/2006 Văn phòng đăng ký đất đai huyện E1 chỉnh lý biên động sang tên Trương Thanh P1 200m² đất (gồm 50m² đất ở và 150m² đất vườn cà phê); Ngày 03/5/2012 Văn phòng đăng ký đất đai huyện E1 chỉnh lý biên động quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại sang tên bà Trương Thị H (vợ ông L). Ngày 09/12/2009 UBND huyện E1 cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AT 772351 cho ông Nguyễn Ngọc P quyền sử dụng 1.076,6m² đất (gồm 50m² đất ở đô thị và 1.026,6m² đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa số 196, tờ bản đồ 23, thị trấn E, huyện E1.

Ngày 15/3/2016, ông Nguyễn Ngọc P và bà Trương Thị H gửi Đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện E1 trình bày: Năm 1995, chấp hành chủ trương của Nhà nước về giải tỏa mở rộng hành lang an toàn Quốc lộ 14 tính từ tim đường vào 15m thì ông P đã phá dỡ ngôi nhà xây diện tích 30m² (6mx5m) mà không yêu cầu bồi thường. Năm 2014, Nhà nước tiếp tục mở rộng đường Hồ Chí Minh thu hồi của gia đình ông P 40m² đất (13,4 m x 3m), nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất và không bồi thường. Ngày 19/5/2015, ông P gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện E1 nên ngày 22/6/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 314/QĐ-UBND, không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông P yêu cầu bồi thường khi thu hồi đất. Nay ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 314/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện E1, buộc UBND huyện E1 bồi thường cho Ông giá trị diện tích đất bị thu hồi là 40,2 m² x 932.000 đ/m² = 37.466.400 đồng. Bà H thì trình bày việc năm 2014 Nhà nước mở rộng đường Hồ Chí Minh thu hồi của gia đình bà H 25,5 m² đất, nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất và không bồi thường, nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 314/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E1, buộc UBND huyện E1 bồi thường cho bà H giá trị diện tích đất bị thu hồi là 25,5m² x 932.000đ/m² = 23.766.000 đồng.

- *Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E1 trình bày:* Thực hiện dự án mở rộng và nâng cấp đường Hồ Chí Minh đoạn qua thị trấn E, huyện E1 thì Ủy ban nhân dân huyện E1 đã thành lập hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư; Hội đồng đã tiến hành khảo sát, đo đạc, xác minh hiện trạng, diện tích đất các hộ đang sử dụng dọc quốc lộ 14, trong đó có hộ ông Nguyễn Ngọc P. Sau khi có khiếu

nại của gia đình ông P thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E1 ban hành Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 22-02-2016 giải quyết khiếu nại, không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông P yêu cầu bồi thường giá trị 40,2 m² đất vì diện tích đất này không nằm trong diện tích đất ông P được cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AT 772351 ngày 09/12/2009 mà thuộc hành lang an toàn đường bộ do nhà nước quản lý và thực tế gia đình ông P không sử dụng diện tích đất này từ năm 1995 đến nay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 314/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện E1, buộc UBND huyện E1 bồi thường cho bà H giá trị diện tích đất bị thu hồi là 25,5 m² x 932.000 đ/ m² = 23.766.000 đồng thì đề nghị Tòa án không chấp nhận vì Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện E1 không giải quyết khiếu nại của bà H (chỉ giải quyết khiếu nại của ông P) nên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà H.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 17/3/2017, Tòa án nhân dân huyện E1 quyết định: *Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc P và bà Trương Thị H. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc P và bà Trương Thị H đã rút, về việc bồi thường số tiền 25.767.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và tuyên bố quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 03/4/2017, ông P, bà H kháng cáo Bản án sơ thẩm.

- Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 15/2017/HCPT ngày 25-8-2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc P và bà Trương Thị H, sửa Bản án sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 17-3-2017 của Tòa án nhân dân huyện E1 về phần án phí. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc P và bà Trương Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 314/QĐ-UBND ngày 22-6-2016 của Ủy ban nhân dân huyện E1 và yêu cầu bồi thường giá trị đất. Đối với án phí dân sự sơ thẩm: ông P, bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu bồi thường tương ứng với diện tích đất bị thu hồi.

Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng và án phí hành chính sơ thẩm.

- Ngày 18/10/2017, ông P, bà H có đơn gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

- Tại Quyết định số 39/2018/QĐ-VKS-HC ngày 21/3/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 15/2017/HCPT ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện E1; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án (*Biên bản làm việc* ngày 16/12/2015 giữa đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E1, đại diện UBND thị trấn E với ông P-bút lục 04; *Thông báo* số 334/TB-UBND ngày 30/7/2015 của UBND huyện E1-bl 02) và trình bày của các bên đương sự thì có cơ sở xác định: Khoảng năm 1979 vợ chồng cụ Nguyễn Tấn K (là cha mẹ của ông Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Ngọc P; bà Trương Thị H là vợ ông Nguyễn Ngọc L) đi kinh tế mới đến huyện TM (nay thuộc địa giới huyện E1). Được sự đồng ý và chỉ dẫn của ông Bùi T (lúc đó là Chủ tịch huyện), vợ chồng cụ K đã khai hoang, sử dụng một mảnh đất bám theo quốc lộ 14 có chiều dài dọc Quốc lộ 14 là 30m. Năm 1991, cụ K giao mảnh đất cho hai con trai quản lý, sử dụng. Ngày 19/11/1994, UBND huyện E1 cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số vào sổ cấp GCN: 57592 (bút lục 57,58) đứng tên “*hộ ông Nguyễn Ngọc L*” đối với toàn bộ mảnh đất của cụ K có diện tích 14.090m² (gồm: 910m² đất ở thuộc thửa 115; 11.610m² đất cà phê thuộc thửa 132; 400m² đất ao thuộc thửa 130; 1.170m² đất màu thuộc thửa 1170). Căn cứ mặt sau *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* cấp cho “*hộ ông Nguyễn Ngọc L*” nêu trên (bl 59,60) thì thấy ngày 12/7/2006 Văn phòng đăng ký đất đai huyện E1 chỉnh lý biến động sang tên ông P 910m² đất (gồm 50m² đất ở và 860m² đất vườn cà

phê); trừ diện tích đất chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N (250m² đất, gồm 50m² đất ở và 200m² đất vườn cà phê) và diện tích đất chuyển nhượng cho ông Trương Thanh P1 (200m² đất, gồm 50m² đất ở và 150m² đất vườn cà phê) thì tính đến ngày 03/5/2012 vợ chồng bà H còn quyền sử dụng diện tích đất ở là 760m² (910m²-50m²-50m²-50m²), đất vườn là 10.400m² (11.610m²-860m²-200m²-150m²), đất ao là 400m² và 1.170m² đất màu. Ngày 09/12/2009 UBND huyện E1 cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AT 772351 cho ông Nguyễn Ngọc P quyền sử dụng 1.076,6m² đất (gồm 50m² đất ở đô thị và 1.026,6m² đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa số 196, tờ bản đồ 23, thị trấn E, huyện E1.

[2]. *Trích lục bản đồ* kèm *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số vào sổ cấp GCN: 57592 mà UBND huyện E1 cấp cho “*hộ ông Nguyễn Ngọc L*” ngày 19/11/1994 không thể hiện rõ khoảng cách từ tim đường Quốc lộ 14 đến thửa đất số 115 cấp cho hộ ông L là bao nhiêu? Trong khi đó, ông P trình bày năm 1995 chấp hành chủ trương của Nhà nước về giải tỏa mở rộng hành lang an toàn giao thông cho Quốc lộ 14 tính từ tim đường vào 15m thì ông P đã phá dỡ ngôi nhà xây diện tích 30m² (6m x 5m) mà chưa yêu cầu cũng như chưa được cơ quan Nhà nước đề cập vấn đề bồi thường; năm 2014, Nhà nước tiếp tục mở rộng đường Hồ Chí Minh thu hồi thêm của gia đình ông P 40m² đất (13,4 m x 3m) nhưng không bồi thường, nay khiếu nại yêu cầu bồi thường. Bà H cũng cho rằng việc mở rộng được Hồ Chí Minh năm 2014 có lấy mất của gia đình bà H 25,5m² đất, nhưng chưa bồi thường nên yêu cầu bồi thường.

[3]. Tại *Thông báo* số 334/TB-UBND ngày 30/7/2015, UBND huyện E1 cũng đã trích dẫn nội dung *Báo cáo* số 25/BC-UBND ngày 30/3/2015 của UBND thị trấn E như sau: “*Kết quả kiểm tra, xác minh xét duyệt về nguồn gốc sử dụng đất và thời điểm sử dụng đất của các hộ thuộc dự án đường Hồ Chí Minh, đoạn qua địa bàn thị trấn E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk. Trong đó, đất của hộ bà Trương Thị H (chị dâu ông P) là của ông Nguyễn Văn K khai phá năm 1980 (trước ngày Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 về điều lệ bảo vệ đường bộ)*” (bút lục 02). Tại *Biên bản làm việc* ngày 16/12/2015, giữa đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E1, đại diện UBND thị trấn E và ông P, các bên đã thống nhất: “*Nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông P (và bà Trương Thị H) có trước Nghị định 203/HĐBT ngày 21-12-1982 của Hội đồng bộ trưởng và sử dụng ổn định, liên tục cho đến nay*” (bút lục 04). Tại *Văn bản* số 7652/UBND-NN&MT ngày 16/10/2015 gửi Ủy ban nhân dân huyện E1 (về việc xử lý báo cáo số 500/BC-STNMT ngày 07-10-2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xem xét bồi thường đối với diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ nhưng nằm ngoài *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* đã cấp mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng có nguồn gốc sử dụng đất trước ngày 21/12/1982 để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn qua thị trấn E, huyện E1) thì Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến: “1. *Đồng ý chủ trương để UBND huyện E1 xem*

xét, bồi thường về đất đối với phần diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn qua thị trấn E, huyện E1 mà các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường bộ, có nguồn gốc sử dụng đất từ trước ngày 21/12/1982” (b1 49).

[4]. Thực hiện yêu cầu cung cấp chứng cứ theo nội dung Công văn số 21/CV-TA ngày 25/5/2018, số 26/C-TA ngày 27/9/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, UBND tỉnh Đắk Lắk đã phúc đáp tại Công văn số 10358/UBND-TNMT ngày 23/11/2018, gửi kèm các *Quyết định* thu hồi đất và *Trích lục bản đồ địa chính* đối với đất của nhiều hộ dân dọc theo Quốc lộ 14 bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn qua địa phận Tổ dân phố số 4, thị trấn E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk. Xem xét nội dung các *Quyết định* thu hồi đất và *Trích lục bản đồ địa chính* nêu trên thì thấy nhiều hộ dân sống dọc Quốc lộ 14 (hộ ông Trần M, hộ ông Nguyễn Văn Th, hộ ông Nguyễn Thanh S...vv) có diện tích đất bị thu hồi, mặc dù diện tích đất bị thu hồi này không nằm trong diện tích được cấp quyền sử dụng đất trong Giấy chứng nhận, nhưng vẫn được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án.

Từ phân tích tại các luận điểm [1] đến [4] nêu trên, cấp giám đốc thẩm xét thấy khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc P yêu cầu UBND huyện E1 bồi thường diện tích đất bị Nhà nước lấy thực hiện Dự án mở rộng đường Hồ Chí Minh năm 2014 là có căn cứ, cần được xem xét, giải quyết; nhưng Chủ tịch UBND huyện E1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 314/QĐ-UBND ngày 22/6/2016, không chấp nhận khiếu nại của ông P là chưa đủ cơ sở và có căn cứ xác định chưa bảo đảm sự công bằng giữa hộ ông P và các hộ dân khác sống dọc Quốc lộ 14 có đất bị thu hồi. Lẽ ra, khi giải quyết vụ án, Tòa án cần hỏi các bên về khoảng cách từ tìm đường Quốc lộ 14 đến thửa đất số 115 mà UBND huyện E1 cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số vào sổ cấp GCN: 57592, kèm *Trích lục bản đồ* ngày 19/11/1994 cho “hộ ông Nguyễn Ngọc L” là bao nhiêu? hỏi bên Người bị kiện có thừa nhận lời trình bày của ông P {là năm 1995 chấp hành chủ trương của Nhà nước về giải tỏa mở rộng hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 14 thì ông P có phá dỡ ngôi nhà xây diện tích 30m² (6m x 5m), tự động dời ki ốt vào phía trong, còn diện tích đất tiếp giáp Quốc lộ 14 vẫn sử dụng để xe, làm sân phơi nông sản} hay không? đồng thời căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được viện dẫn ở các mục nêu trên để giải quyết vụ án mới đúng. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ và kết luận trong bản không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án như phân tích trên; từ đó xử bác đơn khởi kiện của ông P là chưa đủ cơ sở. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 314/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện E1, buộc UBND huyện E1 bồi thường cho bà H giá trị diện tích đất bị thu hồi là 25,5 m² x 932.000 đ/ m² = 23.766.000 đồng thì cấp giám đốc thẩm thấy nội dung Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện E1 không giải

quyết khiếu nại của bà H (chỉ giải quyết khiếu nại của ông P) nên nếu bà H có căn cứ chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng do bị thu hồi đất mở rộng đường Hồ Chí Minh thì có quyền yêu cầu UBND huyện E1 giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do đó, Quyết định kháng nghị số 39/2018/QĐ-VKS-HC ngày 21/3/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ được Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 272; Điều 274 Luật tổ tụng hành chính 2015, Xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 15/2017/HCPT ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã giải quyết vụ án “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai” giữa người khởi kiện là ông Nguyễn Ngọc P, bà Trương Thị H với người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E1, tỉnh Đắk Lắk;

2. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ GDKT III);
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (kèm hồ sơ vụ án để xét xử phúc thẩm lại);
- TAND huyện E1, tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- Cục Thi hành án DS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng (Phòng HC-TP); Phòng Giám đốc kiểm tra I.

TM.ỦY BAN THẨM PHÁN

PHÓ CHÁNH ÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bường